

**PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM  
THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC KINH**

*Phúc giảng lần thứ hai: Cô Lưu Tố Vân*

*Thời gian: 07/08/2021*

*Địa điểm: Tiểu viện Lục Hòa*

**Tập 72**

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Hôm nay chúng tôi bắt đầu giảng kinh văn phẩm 31:

**CHÂN THẬT CÔNG ĐỨC ĐỆ TAM THẬP NHẤT**

Trong phẩm kinh văn này, Thế Tôn dùng phương pháp tỉ dụ, nêu rõ cho chúng ta vô lượng công đức tự lợi lợi tha của các Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc, khiến chúng ta có thể lĩnh hội được sự thù thắng của công đức của các Bồ-tát. Thế Tôn cũng khuyến tấn chúng ta phải noi gương các ngài, đây là ý nghĩa chân thật trong lời thuyết pháp của Thế Tôn.

Mời xem kinh văn bên dưới.

**Kỳ trí hoằng thâm, thí như cự hải. Bồ-đề cao quảng, dụ nhược Tu-di. Tự thân uy quang, siêu ư nhật nguyệt. Kỳ tâm khiết bạch, do như Tuyết Sơn. Nhẫn nhục như địa, nhất thiết bình đẳng. Thanh tịnh như thủy, tẩy chư trần cấu. Xí thạnh như hỏa, thiêu phiền não tân. Bất trước như phong, vô chư chướng ngại. Pháp âm lôi chấn, giác vị giác cố. Vũ cam lồ pháp, nhuận chúng sanh cố. Khoáng nhược hư không, đại từ đẳng cố. Như tịnh liên hoa, ly nhiễm ô cố. Như Ni-câu thụ, phú ẩm đại cố. Như kim cang xử, phá tà chấp cố. Như Thiết-vi sơn, chúng ma ngoại đạo bất năng động cố.**

*Trí tuệ rộng sâu, tựa như biển cả, Bồ-đề cao rộng như núi Tu-di. Uy quang của thân vượt hơn nhật nguyệt, tâm ấy trong sạch ví như Tuyết Sơn. Nhẫn nhục như đất, bình đẳng tất cả. Thanh tịnh như nước, rửa sạch bụi bân. Hừng hực như lửa, đốt củi phiền não. Không chấp trước như gió, chẳng có các chướng ngại. Pháp âm như sấm vang, giác ngộ kẻ chưa giác. Tuôn mưa pháp cam lồ để thấm nhuận chúng sanh. Tâm rộng như hư không, đại từ bình đẳng. Như hoa sen thanh tịnh, lìa xa ô*

*nhiễm. Như cây ni-câu, che bóng rộng lớn. Như chùy kim cương, phá tan tà chấp. Như núi Thiết-vi, chúng ma ngoại đạo không lay chuyển được.*

Từ phẩm thứ 28 Đại Sĩ Thân Quang đến phẩm thứ 32 Thọ Lạc Vô Cực, năm phẩm kinh văn này đều nói về sự tu trì của Bồ-tát và cảnh giới của Bồ-tát thế giới Cực Lạc. Phẩm thứ 30 Bồ-tát Tu Trì là phẩm kinh nói tương đối sâu.

Hôm nay giảng phẩm 31 Công Đức Chân Thật, là một trong năm phẩm, nói về những công đức mà các Bồ-tát ở thế giới Tây Phương Cực Lạc đã làm là công đức chân thật. Phần mở đầu của phẩm kinh văn này đã dùng 15 tỉ dụ để nói công đức của các Bồ-tát thế giới Cực Lạc sâu rộng như biển lớn. Sự giác ngộ cao và rộng tựa như núi Tu-di, giống như biển lớn v.v. nhằm tỉ dụ cho công đức trang nghiêm của Bồ-tát thế giới Cực Lạc.

Tiếp theo, chúng tôi sẽ giải thích cụ thể đoạn kinh văn này.

*“Trí tuệ rộng sâu, tựa như biển cả”*

Đây là tỉ dụ thứ nhất. Câu kinh văn này là dùng biển cả để ví cho trí tuệ của các Bồ-tát. Xin chú ý từ “cả” này, biển lớn thì đã vô biên không bờ bến rồi, nhưng dùng từ biển lớn vẫn không đủ để hình dung cho trí tuệ của Bồ-tát, dùng biển cả (cực hải) là để cho chúng ta có không gian tưởng tượng, chúng ta có thể tưởng tượng ra được không? “Rộng” là lớn, trí tuệ vô lượng là lớn, trí tuệ thấu triệt là “sâu”. Câu đầu tiên của kinh văn dùng biển lớn để tỉ dụ cho trí tuệ rộng sâu của Đại sĩ cõi Cực Lạc.

Bồ-tát bất luận là chính mình tu hành hay là giáo hóa chúng sanh thì nhất định phải có trí tuệ sâu rộng làm nền tảng. Nếu không có trí tuệ thì không những chẳng thể lợi ích chúng sanh, mà còn luôn dẫn dắt chúng sanh lạc lối, lỗi dẫn dắt chúng sanh lầm lạc rất nặng. Nếu dẫn dắt sai lầm nghiêm trọng thì bạn đã đoạn pháp thân huệ mạng của người khác rồi, đây không còn là lỗi lầm, mà là tội lỗi. Người thế gian thường nói “khiến con em nhà người lầm lạc”, tội lỗi làm lầm lạc con em người khác, người thông thường rất hay lơ là việc này, không biết rằng dẫn dắt sai lầm con em người khác thì phải đọa địa ngục.

*“Bồ-đề cao rộng, như núi Tu-di”*

Đây là tỉ dụ thứ hai. Dùng núi Tu-di để ví với Bồ-đề cao vợi của Bồ-tát. Núi Tu-di là trung tâm của một thế giới, dịch là núi Diệu Cao. Tuệ Lâm Âm Nghĩa nói: “Bản dịch thời Đường gọi là núi Diệu Cao, do bốn loại báu hợp thành, cho nên gọi là Diệu; cao hơn các núi khác nên gọi là Cao. Hay còn gọi là núi Diệu Quang, là do bốn thứ sắc báu, quang minh khác nhau chiếu ngời thế gian”. Còn gọi là núi An Minh, Minh đã có nghĩa là diệu quang, còn mang nghĩa thanh tịnh vô cấu; An đại biểu cho định, cho bất động. Cho nên bản dịch thời Tống nói: “Kiên cố chẳng lay động, như núi Tu-di”. Tỉ dụ này mượn núi Tu-di do bốn chất báu hợp thành nhằm biểu đạt cho Bồ-đề của Bồ-tát thế giới Cực Lạc là do vạn đức trang nghiêm.

Ví sự diệu cao của núi cho Bồ-đề, chẳng gì có thể cao hơn. Quang minh nhiệm màu của núi tỉ dụ cho quang minh trí tuệ thường soi chiếu thế gian. Núi an tịnh sáng ngời, “an” biểu thị cho diệu định, như như bất động; “minh” tỉ dụ cho khiết tịnh, như chất báu không cấu nhiễm. Đối với tỉ dụ này, lão pháp sư còn cho chúng ta một cách giải thích khác: Bồ-đề chính là tâm cảnh giác. Bồ-đề là giác ngộ, không mê, tâm cảnh giác rất cao, nhất là trong xã hội hiện nay, nơi nơi đều là hầm lửa, đều là cạm bẫy đọa địa ngục, hơi chút bất cẩn bèn rơi xuống đó. Trong xã hội bạn đời nhân xử thế tiếp vật phải cẩn thận đề phòng, bất luận lúc nào, nơi nào đều luôn luôn giữ tính cảnh giác cao độ, đây chính là Bồ-đề, chắc chắn không đọa ba đường ác.

*“Uy quang của thân vượt hơn nhật nguyệt”*

Đây là tỉ dụ thứ ba. Uy quang là quang minh của uy đức, quang minh này chính là quang minh của trí tuệ. Bản dịch thời Ngụy ghi là: “Quang minh trí tuệ sáng sạch, vượt hơn nhật nguyệt”. Hội Sớ nói: “Vượt hơn nhật nguyệt là nhật nguyệt có khi tròn khi khuyết, còn quang minh trí tuệ không như vậy; nhật nguyệt có lúc mọc và lặn, còn quang minh trí tuệ thường sáng tỏ; nhật nguyệt chẳng soi được nội tâm, quang minh trí tuệ có thể soi thấu. Nhật nguyệt chẳng trọn khắp, quang minh trí tuệ trùm khắp tất cả. Cho nên nói uy quang của thân vượt hơn nhật nguyệt”.

Nhật nguyệt là quang minh, quang minh chính là trí tuệ. Tỉ dụ này nói với chúng ta rằng: bản thân phải tu trì, phải có uy đức. Quang là chỉ cho thân quang và phóng quang của Phật Bồ-tát. Phàm phu chúng ta có thân quang nhưng chẳng thể phóng quang. Đối với phàm phu mà nói, chúng ta thông thường gọi là sắc thái, phong độ, khí sắc, khí chất v.v. Khí sắc chính là quang. Quang minh của uy đức, một người có đức hạnh, thật sự có thể tu dưỡng đạo đức của chính mình thì khí

sắc tự nhiên tốt đẹp, từ trường sẽ rất tường hòa, ra ngoài tiếp xúc với mọi người, họ tự nhiên sẽ sanh khởi tâm kính ngưỡng đối với bạn. Họ tôn kính bạn, thích thân cận bạn. Nếu đệ tử Phật tiếp xúc với mọi người mà lời thô lách thêch, lời nói thô tục, cống cao ngã mạn v.v. thì mọi người sẽ xem thường bạn, đều sẽ cung kính mà tránh xa bạn. Thậm chí có người sẽ nói: đệ tử của Thích-ca Mâu-ni Phật sao lại như vậy? Vì bạn mà Phật xấu hổ thì tội nghiệp của bạn bao lớn?

Uy quang của thân chính là lòng thành ở trong tự nhiên biểu lộ nơi hình dáng bên ngoài, đó chính là công phu tu dưỡng chân thật biểu hiện ở bên ngoài. Nếu có thể khiến cho người mới học Phật hoặc chưa học Phật thông thường đối với bạn sinh khởi tâm cung kính, tâm ngưỡng mộ, muốn học tập với bạn, nhìn thấy bạn trang nghiêm, tự tại như vậy, hạnh phúc vui vẻ như vậy, họ bèn muốn học Phật. Cho nên, hình tượng của chúng ta chính là bản hiệu của Phật giáo. Vì vậy chúng ta độ chúng sanh phải chú ý đến hình tượng, hình tượng này chẳng phải là sự xinh đẹp của thể tục, mà là sự trang nghiêm nơi cửa Phật. Đương nhiên vẻ đẹp thể tục kết hợp hoàn mỹ với sự trang nghiêm trong nhà Phật, đó chẳng phải là thứ chúng ta kỳ vọng đó sao?

*“Tâm ấy trong sạch, ví như Tuyết Sơn”*

Đây là tỉ dụ thứ tư. Câu này giống như câu phía trước, đều là nói về uy đức của chính Bồ-tát cõi Cực Lạc. Tuyết Sơn có hai cách giải thích, có thể cung cấp cho chúng ta tham khảo như sau:

Cách giải thích thứ nhất: Tuyết Sơn chỉ cho núi Himalaya, núi ấy rất cao, quanh năm tuyết phủ không hề tan chảy, cho nên núi thuần một sắc trắng, chẳng chút tạp sắc nào. Vì vậy dùng nó để ví với sự thuần tịnh của tâm địa, chẳng nhiễm mây trần, không bị sáu trần làm ô nhiễm, cũng không bị sáu thức làm ô nhiễm, giữ gìn sự thanh tịnh của chính mình.

Cách giải thích thứ hai: Người thông thường gọi núi Himalaya là Tuyết Sơn, có được hay không? Không thể nói được, cũng chẳng thể nói không được. Nói được và không được là cách nhìn của người thế gian, nhưng thứ mà Phật Bồ-tát nhìn thấy cùng với thứ chúng ta nhìn thấy không như nhau. Trong kinh Phật thường dẫn dụng ngọn núi này. Núi cao nhất gọi là Tu-di, bất luận ở nơi nào, núi cao nhất đều được gọi là Tu-di. Tu-di là tên gọi chung, không phải chỉ riêng cho ngọn núi nào.

Đoạn kinh văn này dùng Tuyết Sơn để tỉ dụ cho giới đức và sức định thanh tịnh. Ngài Cảnh Hưng nói: “Sức định thanh tịnh, giới đức viên mãn giống như Tuyết Sơn”. Và Hội Sói nói: “Dùng giới đức tỉ dụ cho Tuyết Sơn, vì giới đức thanh tịnh, như núi tuyết lớn, thường trắng sạch, có thể chiếu soi chúng sanh khiến họ được thanh lương”. Còn Tịnh Ảnh Sớ nói rằng: “Dùng Tuyết Sơn hiển rõ sức định thanh tịnh, các đức đều thanh tịnh, nên gọi là bình đẳng, nhất như, thanh tịnh”. “Đẳng là bình đẳng, nhất là nhất như, tịnh là thanh tịnh vốn có”. “Tâm họ vốn thanh tịnh, cho nên sáng sạch như Tuyết Sơn; tâm họ nhất như, cho nên giống như Tuyết Sơn bất động; tâm họ bình đẳng, cho nên ba thứ đều không sai biệt, thuần một sắc trắng”. Ba thứ không sai biệt ở đây là: tâm, Phật và chúng sanh. Mỗi một câu đều là nói lời chân thật với chúng ta.

*“Nhẫn nhục như đất, bình đẳng tất cả”*

Đây là tỉ dụ thứ năm. Chúng ta phải học tập đất, đất có thể nâng đỡ mọi vật, và lại còn nâng đỡ vật một cách bình đẳng, không hề chọn lựa, chẳng có lấy bỏ, nhất định không có khởi tâm động niệm, nhất định không có phân biệt chấp trước, đây gọi là nhẫn nhục ba-la-mật. Nhẫn nhục ba-la-mật là gì? Là giới đức lớn, năng lực lớn vốn có trong tự tánh.

Đại sư Ấn Quang đối với đất có một đoạn miêu tả đặc sắc như sau:

“Nâng đỡ khắp vạn tượng, không sanh phân biệt, sinh sôi vạn vật để cho người dùng, ấy vậy mà chẳng kể công, không mong báo đáp. Ân đức của đất có thể nói là rộng lớn, trùm khắp, sâu rộng dày chắc, dài lâu, chẳng thể kể ra được”.

Đại sư giống như đang miêu tả một bức tranh cho chúng ta, khiến chúng ta cảm nhận được ân đức thuần hậu của đất.

Hai đặc điểm lớn nhất của đất, một là bình đẳng, hai là nhẫn nhục. Chúng ta đã học được chưa? Nếu bạn thật sự học được, dùng được thì xin chúc mừng bạn, bạn là người chiến thắng, bạn đời này thành tựu rồi. Người học Phật nhất định phải tu bình đẳng, nhất định phải tu nhẫn nhục. Nếu không tu bình đẳng thì bạn không thể được thanh tịnh, tâm không thanh tịnh thì không thể học Phật. Không tu nhẫn nhục thì bạn chẳng thành tựu được một việc gì. Người học Phật đều phải nhẫn được tất cả pháp thế xuất thế gian. Tục ngữ nói: “Không nhẫn được việc nhỏ ắt hại sự nghiệp lớn”. Một việc nhỏ mà không thể nhẫn thì sự nghiệp lớn cũng chỉ là ảo tưởng, chẳng

thể thành tựu. Người học Phật chúng ta từ nơi công phu nhẩn nhục lớn nhỏ mà quyết định sự thành tựu tu học lớn hay nhỏ của bạn, quyết định cấp độ nâng cao cảnh giới của bạn.

*“Thanh tịnh như nước, rửa sạch bụi bần”*

Đây là tỉ dụ thứ sáu. Thanh tịnh như nước là nói về tu đức, tâm của chúng ta vốn là thanh tịnh, hiện nay không thanh tịnh. Vì sao vậy? Đã bị ô nhiễm rồi. Ô nhiễm rồi thì thế nào? Tẩy rửa sạch sẽ. Dùng cái gì để rửa sạch? Dùng Phật pháp để rửa sạch. Phật pháp ví như nước sạch trong, có thể rửa sạch sự ô nhiễm trong tâm. Phật pháp nhiều như vậy, dùng pháp nào đây? Dùng pháp niệm Phật. Dùng pháp niệm Phật liệu có thể rửa sạch ô nhiễm hay không? Đáp án là chắc chắn, có thể, chắc chắn có thể! Tôi nói lời này vì sao lại mạnh dạn như vậy? Vì có tổ sư làm hậu thuẫn. Đại sư Ấn Quang khai thị:

“Chúng ta vốn có thiên chân Phật tánh, chiếu trời soi đất từ xưa đến nay, tuy tạo thập ác ngũ nghịch nhưng linh quang vốn có của chúng ta không mảy may diệt mất. Giống như gương sáng phủ bụi, kẻ ngu cho rằng không có quang minh, mà không biết rằng lau sạch bụi bần thì quang minh ấy vẫn sẽ hiện tiền. Thế nên niệm A-di-đà Phật chính là dùng niệm Phật mà trừ vọng niệm, đó là phương pháp tốt nhất để trừ bụi bần. Niệm tới niệm lui không gì ngoài việc hiển lộ A-di-đà Phật vốn có của tự tâm, tự tha tương ứng, cảm ứng đạo giao, diệu nghĩa của vãng sanh chẳng thể nói hết được”.

*“Hừng hực như lửa, đốt củi phiền não”*

Đây là tỉ dụ thứ bảy. Lửa ví cho trí tuệ, củi ví cho phiền não, hừng hực ví cho trí tuệ sắc bén mạnh mẽ của Bồ-tát. Hừng hực như lửa, đoạn trừ phiền não, như lửa thiêu cháy củi. Đây là tỉ dụ, đem phiền não ví cho củi đốt, đem lửa ví cho trí tuệ, lửa thiêu rụi củi đốt thì trí tuệ hiện tiền, phiền não vô minh đoạn sạch. Nói với chúng ta: tâm thanh tịnh thì sanh trí tuệ, trí tuệ chân thật có thể đoạn phiền não, có thể đoạn vô minh.

*“Không chấp trước như gió, chẳng có các chướng ngại”*

Đây là tỉ dụ thứ tám. Tánh của gió là lưu chuyển không có chướng ngại. Vì sao không có chướng ngại? Bởi vì một là vô trụ, hai là không chấp trước, cho nên đi các thế giới tự tại vô ngại. Chúng ta ở thế gian này chướng ngại trùng trùng, không

tự do, chẳng tự tại, chướng ngại từ đâu mà đến? Đều do chấp trước mà ra, nếu không chấp trước thì làm gì có chướng ngại? Vốn là không có chướng ngại, chướng ngại đều do chính mình chuốc lấy.

Trong kinh Kim Cang, Phật dạy tôn giả Tu-bồ-đề, hoằng pháp lợi sanh phải tuân thủ hai câu giáo huấn: “Không chấp vào tướng, như như bất động”. Như vậy thì không có chướng ngại. Nếu thật sự làm được hai câu này thì nhập vào cảnh giới Hoa Nghiêm, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại, bạn mới thật sự được đại tự tại.

Trong tám tỉ dụ được nói ở trên, bốn loại đầu nghiêng về tánh đức, bốn loại sau nghiêng về tu đức. Tánh đức và tu đức không hai, tu đức có công thì hiển bày rõ ràng tánh đức.

*“Pháp âm như sấm vang, giác ngộ kẻ chưa giác”*

Đây là tỉ dụ thứ chín, nói về đức tự lợi lợi tha của các Bồ-tát. Pháp âm như sấm vang, kinh nói “tiếng Phạm âm của Phật như sấm vang”, pháp âm là để giảng kinh thuyết pháp cho chúng sanh. Sấm vang là tỉ dụ, tiếng sấm nghe từ xa, chấn động thế gian, ví cho pháp âm có thể thức tỉnh chúng sanh mê mờ. Nếu chư Phật Bồ-tát không giảng kinh thuyết pháp thì chúng sanh vĩnh viễn sẽ không giác ngộ, vĩnh viễn không biết được chân tướng của sáu cõi luân hồi, không biết chân tướng của mười pháp giới. Ân huệ lớn nhất của Phật Bồ-tát dành cho chúng sanh chính là giảng kinh thuyết pháp, giúp chúng sanh giác ngộ, khiến chúng sanh chưa giác ngộ được tỉnh thức, giúp chúng sanh lìa rốt ráo khổ, được rốt ráo vui.

*“Tuôn mưa pháp cam lồ để thấm nhuần chúng sanh”*

Đây là tỉ dụ thứ mười. Pháp âm và cam lồ đều là tỉ dụ, Phật Bồ-tát thuyết pháp lợi sanh. Cam lồ khiến người hồi sinh từ cõi chết, giáo pháp của Phật có thể khiến chúng sanh vĩnh viễn đoạn dứt sanh tử, được đại Niết-bàn, cho nên gọi là “pháp cam lồ”. Mưa ấy như mưa từ trời rơi xuống, thấm nhuần cả ba căn, cho nên nói là “thấm nhuần chúng sanh”.

Kinh Pháp Hoa nói: “Ta là Thế Tôn, chẳng ai có thể sánh, khiến chúng sanh an ổn, cho nên xuất hiện ở đời, vì đại chúng thuyết tịnh pháp cam lồ, pháp ấy đồng một vị là Niết-bàn giải thoát”. Phật Địa Luận nói rằng: “So với các pháp thế gian tà kiến, kém cõi của các ngoại đạo, thánh giáo của Như Lai là chân thật nhất, thù thắng, thanh tịnh giống như đề-hồ, lại như cam lồ, khiến được Niết-bàn”. Điều mà các kinh

luận trên đã nói chính là ý nghĩa “tuôn mưa pháp cam lồ để thấm nhuần chúng sanh”. Giáo học của Phật pháp không thể nghĩ bàn, ngoài dùng âm thanh thuyết pháp ra, sáu trần đều thuyết pháp, sáu trần đều biểu pháp. Chúng ta phải biết rằng chỉ có như vậy thì mới có thể phổ biến thấm nhuần chúng sanh. Phạm vi của giáo học vô cùng rộng lớn, giống như mưa móc khiến cho cây lớn được tươi nhuần, cỏ nhỏ cũng được thấm nhuần. Giáo hóa của Phật đối với chúng sanh là bình đẳng, không có phân biệt.

*“Tâm rộng như hư không, đại từ bình đẳng”*

Đây là tỉ dụ thứ mười một. Câu này tỉ dụ cho tâm lượng lớn có thể bao dung, chúng ta thông thường gọi là độ lượng. Đại nhân có đại lượng, ai là đại nhân? Phật Bồ-tát là đại nhân. Chúng ta học Phật thì phải học tâm lượng lớn của Phật, người tâm lượng nhỏ thì chẳng thể học Phật, cũng chẳng thể làm Phật. Ý nghĩa thứ hai của tỉ dụ này là dùng sự không chấp trước của hư không không nhằm biểu đạt tâm từ bi bình đẳng.

Bản dịch thời Ngụy nói: “Giống như hư không, đối với hết thảy vạn hữu đều không chấp trước”. Sách Hành Sự Sao Tư Trì Ký nói: “Không chấp trước là do lìa trần cấu ô nhiễm”. Chúng ta tỉ mỉ lĩnh hội hàm nghĩa sâu sắc của câu kinh văn này thì mới có thể thật sự hiểu được sự chẳng thể nghĩ bàn của công đức chân thật.

Chúng ta làm thế nào thực hành? Mở rộng tâm lượng, xả bỏ tiểu ngã. Hãy hỏi bản thân: mình đã mở rộng tâm lượng chưa? Mình đã xả bỏ tiểu ngã chưa? Nếu thật sự mở rộng tâm lượng, thật sự xả bỏ tiểu ngã thì con đường hoàng hộ chẳng phải thông đạt rồi sao?

Đại sư Ấn Quang khai thị: Tâm của Bồ-tát bao trùm hư không, lượng trải khắp hằng sa thế giới, lấy tâm của chúng sanh làm tâm, lấy cảnh của chúng sanh làm cảnh.

*“Như hoa sen thanh tịnh, lìa xa ô nhiễm”*

Đây là tỉ dụ thứ mười hai, tỉ dụ cho thanh tịnh vô nhiễm. Hoa sen sinh ra từ bùn nhơ nhưng không bị nhiễm ô. Sen mọc từ bùn biểu đạt ý không xả bỏ chúng sanh, hoa nở trên mặt nước biểu đạt rằng Bồ-tát thanh tịnh lìa trần cấu, cho nên gọi là “lìa xa ô nhiễm”.

Đại sư Ấn Quang khai thị:



“Xử sự thanh tịnh như hoa sen  
Sanh nơi bùn lầy chẳng vấy bẩn  
Đôi cảnh vô tâm không tì vết  
Bản lai diện mục trọn thấy rồi.”

Chư Phật Bồ-tát thuyết pháp cho chúng sanh là tam luân thể không. Chẳng cho rằng bản thân là năng thuyết, nếu cho chính mình là năng thuyết thì chấp vào “ngã tướng” rồi; cũng không chấp trước rằng chúng sanh là đối tượng có thể nghe, nếu chấp trước có chúng sanh có thể nghe hiểu thì đã chấp vào “chúng sanh tướng” rồi; cũng không chấp trước vào “tướng thuyết pháp” trong đó, đây gọi là tam luân thể không.

Chúng ta thường nghe trong cửa Phật nói rằng: “Nói mà không nói, không nói mà nói”, vậy rốt cuộc là nói hay không nói vậy? Phật Bồ-tát không chấp trước vào năng thuyết, sở thuyết, cũng không chấp trước vào đối tượng nghe, pháp được nghe, tất cả đều không chấp trước, đó chính là “không nói”. “Nói” là gì vậy? Mỗi ngày giảng kinh thuyết pháp cho chúng sanh. Cho nên “nói” và “không nói” là một chẳng phải hai. Chúng sanh có tâm phân biệt, cho rằng nói và không nói là hai sự việc, thế nên đối với một số sự việc chúng ta chẳng thể hiểu được dễ dàng, không biết rằng nói và không nói là một chẳng phải hai. Phật là người thuyết pháp, nói mà không nói, chúng ta là người nghe pháp, nghe mà không nghe. Nếu chúng ta biết nghe thì chính là nghe mà không nghe, không nghe mà nghe, nghe như vậy sẽ khai ngộ.

Chúng ta nghe kinh mấy mươi năm đều không khai ngộ, thậm chí nghe sai ý nghĩa, giải thích sai rồi. Nguyên nhân do đâu? Là do phân biệt, chấp trước, chấp vào tướng, chấp tướng danh tự, chấp tướng ngôn thuyết, chấp tướng tâm duyên. Hễ chấp vào ba tướng này thì đã đóng bít cửa ngộ rồi. Cửa bị bít rồi thì sao khai ngộ được?

Vậy nghe kinh như thế nào? Nhất định không phân biệt, không chấp trước. Nghe hiểu được thì giác ngộ; nếu nghe không hiểu, không hiểu được, không hiểu thì thôi, tâm không bị cảnh giới xoay chuyển, cũng không bị âm thanh giảng kinh xoay chuyển, tâm là như như bất động, đây chính là nghe mà không nghe, nghe kinh như vậy có thể khai ngộ. Phạm phu chúng ta không biết nghe kinh, bị xoay chuyển theo âm thanh thuyết pháp, cho nên nghe gì phân biệt đó, nghe gì chấp trước đó, hoàn toàn rơi vào trong ý thức.

Nghe kinh như vậy chẳng thể khai ngộ, lãng phí mất thời gian và tinh lực nơi phân biệt và chấp trước rồi, thật sự cái được không bù nổi cái mất. Nếu như nói mất quả dưa hấu, nhặt được hạt mè thì cũng còn nhặt được chút gì đó, đằng này mất luôn quả dưa hấu lẫn hạt mè, bạn nói xem có oan uổng hay không? Đây là lỗi của ai, là tội của ai? Ai chịu nhân quả này? Nếu chúng ta dùng tâm phân biệt, tâm chấp trước để nghe kinh thì bạn không thể đạt được ý nghĩa chân thật của Phật pháp, chỉ có thể có được một chút thương thức ngoài da của Phật giáo mà thôi. Loại thương thức này có hữu ích hay không? Đối với giới định tuệ, đối với sanh tử chẳng có chút liên quan nào. Thế nên, Phật Bồ-tát biết thuyết pháp, chúng ta phải biết nghe thì mới có thể đạt được lợi ích chân thật.

Nghe kinh như thế nào thì gọi là biết nghe? Dùng tâm thanh tịnh vô nhiễm như đóa sen mà nghe kinh, chí tâm vào một nơi, chuyên tâm nhất chí mà nghe. Kinh nghiệm nghe kinh 20 năm của tôi nói với tôi rằng: thân phải tĩnh lặng, tâm nên lắng xuống, ngồi tĩnh lặng lắng nghe thì hiệu quả tốt nhất, đồng thời cũng biểu đạt sự tôn trọng đối với người giảng kinh. Cách thức và phương pháp vừa làm việc, vừa nói chuyện, vừa nghe kinh không thích hợp với tôi lắm, tôi không dùng phương pháp này. Đối với vấn đề này, chẳng thể áp đặt cứng nhắc, mà phải tùy theo từng người, không được nhất định phải thế này, bắt buộc phải thế nọ, đừng đặt ra những khuôn khổ như vậy. Hoàn cảnh không như nhau, điều kiện không như nhau nên có đa dạng cách thức phương pháp khác nhau. Hãy lựa chọn cách thức phương pháp phù hợp với bạn nhất, thứ phù hợp với bạn chính là thứ tốt nhất.

*“Nhu cây ni-câu che bóng rộng lớn”*

Đây là tử dụ thứ mười ba, tử dụ cho lòng từ bi bình đẳng của Phật. Cây ni-câu là một loại cây sinh trưởng ở Ấn Độ, dịch là “cây không đốt”, “cây to rộng”. Thân cây lớn, lá cây lớn, bóng cây lớn, trong kinh điển mô tả cây ni-câu như sau:

Tuệ Lâm Âm Nghĩa quyển 15 nói: “Cây này mọc thẳng không đốt, tròn trịa đáng yêu, mọc cách đất hơn ba trượng mới trở cành lá, hạt của nó bé xíu, giống như hạt của cây liễu, ở Trung Hoa không có loại cây này”. Kinh Tội Phước Báo Ứng nói rằng: “Cây ni-câu-đà cao 20 dặm, cành nhánh phân bố đều đặn, bóng rợp sáu mươi dặm, hạt của nó nhiều đến ngàn vạn hạt”. Kinh A-duy-việt-trí-già bảo: “Bóng cây che rợp năm trăm cỗ xe”, cho nên gọi là “che bóng rộng lớn”. Ví cho Bồ-tát làm bóng mát rộng che chở các chúng sanh. Ở dưới bóng cây rất mát mẻ, tử dụ cho sự

thuyết pháp của Phật như bóng râm mát mẻ. Chúng sanh ở dưới cây được sự che mát của bóng cây, là ý nghĩa hình dung cho lòng đại từ đại bi của Phật, có thể che chở tất cả chúng sanh xa lìa nhiệt nã, được thanh lương.

*“Nhu chùy kim cang phá tan tà chấp”*

Đây là tỉ dụ thứ mười bốn, tỉ dụ cho trí tuệ. Trong kinh hễ nói đến trí tuệ thì đều dùng kim cang làm tỉ dụ, như là Kim Cang Bát-nhã. Kim cang là kim loại cứng nhất, có thể phá hết thảy vật chất mà không bị tất cả vật chất phá hoại. Chùy kim cang, tiếng Phạn là Phạt-chiết-la, vốn là binh khí của Ấn Độ, Mật tông dùng chùy kim cang làm pháp khí, ví cho trí tuệ sắc bén kiên cố. Rất nhiều kinh điển đối với kim cang đều có sự phân tích tinh túy, như là:

Đại Nhật Kinh Sớ, quyển 1 nói: “Phạt-chiết-la là ấn trí kim cang của Như Lai”. Lại nói: “Ví như Đế Thích tay cầm kim cang phá quân tu-la, nay các vị Chấp Kim Cang cũng giống như vậy”. Kinh Nhân Vương phần Tụng Niệm Nghi Quỹ, quyển thượng bảo: “Tay cầm chùy kim cang nhằm biểu thị phát khởi chánh trí giống như kim cang”. Sách Chư Bộ Yếu Mục nói: “Không cầm chùy kim cang niệm tụng thì chẳng thể thành tựu. Chùy kim cang nghĩa là Bồ-đề tâm, có thể phá hai thái cực *đoạn* và *thường*, khế hợp trung đạo. Chính giữa có mười sáu địa vị Bồ-tát cũng tượng trưng cho mười sáu thứ *không* hợp thành trung đạo. Hai đầu đều có năm nhánh, biểu thị ngũ trí của Phật, đồng thời biểu thị mười ba-la-mật, có thể phá trừ mười thứ phiền nã, thành tựu mười thứ chân như, chứng lên Thập địa”.

Cho nên biết chùy kim cang biểu thị cho chánh trí kim cang, có thể đẩy lùi quân ma, đoạn phiền nã, đắc thành tựu, đó là ý nghĩa “phá tan tà chấp” trong kinh này. Dùng chùy kim cang đây để ví cho diệu trí kim cang bát-nhã của các Bồ-tát, có thể phá trừ hết thảy tình chấp bất chánh.

*“Nhu núi Thiết-vi, chúng ma ngoại đạo không lay chuyển được”*

Đây là tỉ dụ thứ mười lăm. Dùng núi Kim Cang ví cho trí tuệ vững chắc của Bồ-tát, định tuệ đẳng trì, hết thảy chúng ma ngoại đạo không lay chuyển được. Thế nào là ma? Ma nghĩa là giày vò, khiến thân tâm của bạn đều không tự tại. Trong kinh Bát Đại Nhân Giác quy nạp ma thành bốn loại lớn.

Loại thứ nhất là ngũ ấm ma. Ngũ ấm ma thì phạm phủ sáu cõi đều có. Ngũ ấm là sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cũng chính là “ngũ uẩn” mà Tâm Kinh nói. Ngũ uẩn

vốn chẳng phải ma, nhưng mê rồi thì bị nó giày vò, nên thành ra ma. Sắc, thọ, tưởng, hành là hiện tượng vật lý; thức là hiện tượng tâm lý. Hiện tượng vật lý kết hợp với hiện tượng tâm lý thì gọi là “ngũ ấm”, có thể nói là bao gồm hết tất cả hiện tượng trong vũ trụ. Người mê hoặc không nhận ra nó, bị nó giày vò, nên ngũ ấm này biến thành ma. Sau khi giác ngộ thì không bị nó giày vò nữa, có thể tự tại hưởng thụ, tự tại mà vận dụng nó.

Loại thứ hai là phiền não ma. Phiền não rất nhiều, Bồ-tát Thiên Thân quy nạp thành 26 loại lớn, sáu loại trong đó là “căn bản phiền não”, hai mươi loại là “tùy phiền não”, vô lượng vô biên phiền não đều không ngoài 26 loại này. Tiếp tục quy nạp căn bản phiền não lại thành ba loại, gọi là tam độc, chính là tham, sân, si. Tam độc phiền não khiến thân tâm của chúng ta bất an, khiến chúng ta ở trong lục đạo chịu khổ, chịu nạn.

Loại thứ ba là sanh tử ma. Sanh tử là khổ nhất, là sự giày vò rất lớn. Chúng ta đã trải qua sanh khổ rồi, đã chịu nổi thống khổ cực kỳ lớn, tiếc rằng bởi vì mê nên chúng ta quên mất sanh khổ. Tử khổ, trong kinh Phật tỉ dụ, con người khi lâm chung, thần thức lìa khỏi thân thể giống như lột mai rùa sống, cho nên sanh tử là nổi thống khổ cực lớn.

Loại thứ tư là thiên ma. Thiên ma đều chỉ cho sự giày vò của hoàn cảnh bên ngoài, hàm nghĩa này vô cùng rộng. Ba loại trước là ngũ ấm, phiền não, sanh tử đều thuộc về bản thân chính mình, là ở nội tâm, sanh ra đã có. Loại sau cùng là thiên ma, chỉ cho đủ mọi dụ hoặc của hoàn cảnh bên ngoài. Nếu bạn có đủ định lực, không có phân biệt, chấp trước, thì dụ hoặc bên ngoài đối với bạn không khởi tác dụng. Sở dĩ nó có thể khởi tác dụng là bởi vì kẻ nội gián của bạn, bên trong ứng hợp với bên ngoài, cho nên mới có khổ, mới bị giày vò. Chỉ cần bạn có tham sân si thì hoàn cảnh bên ngoài thấy đều là ma chướng.

Lại nói thêm thế nào là ngoại đạo? Chủng loại của ngoại đạo là bao nhiêu? Cách nói của các kinh không như nhau. Kinh Đại Nhật nói 30 loại, kinh Niết-bàn nói có 95 loại, kinh Hoa Nghiêm và Đại Trí Độ Luận nói có 96 loại. Một loại trong đó là Thanh văn đạo. Bách Luận nói: “Thuận theo đạo Thanh văn thì đều là tà”. Tuy Thanh văn thuộc về chánh giáo của Như Lai nhưng đó là Quyền pháp, cho nên cũng bị liệt vào 95 loại ngoại đạo kia mà gọi là 96 loại.

Tiếp theo chúng ta xem kinh điển của chư Phật nói thế nào là ngoại đạo. Từ Trì Ký nói: “Gọi là ngoại đạo là vì không nhận sự giáo hóa của Phật, riêng hành tà pháp”. Tịnh Danh Sớ của ngài Thiên Thai nói: “Hiểu sai lầm ra ngoài giáo pháp thì gọi là ngoại đạo”. Viên Giác Kinh Tập Chú nói: “Tâm hạnh không đúng với lý nên gọi là ngoại đạo”. Câu-xá Huyền Nghĩa nói: “Học sai với chân lý, rong ruổi theo vọng tình của mình, chẳng biết xoay về giác ngộ bên trong thì gọi là ngoại đạo”. Kinh Đại Trang Nghiêm Pháp Môn nói: “Văn-thù-sư-lợi hỏi Kim Sắc Nữ: ‘Ai là ngoại đạo?’ Cô ta bảo: - Tùy thuận, tin nhận tà thuyết của kẻ khác thì gọi là ngoại đạo”.

Tóm lại những điều nói trên thì ngoại đạo là đạo được thành lập ngoài lời Phật dạy, thực hành những điều không thuộc về chân lý tối cực nên đều gọi là ngoại đạo. Chúng ta thường nói là “câu pháp ngoài tâm” thì đều là ngoại đạo. Liên quan đến ngoại đạo thì đại sư Ấn Quang có lời cảnh tỉnh thế này, tiết học sau chúng tôi sẽ cùng chia sẻ với các đồng tu.

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!